

## Thơ lục bát – hành trình từ cổ truyền đến đương đại

### 1. Thơ lục bát ?

Thơ lục bát là loại thơ mà đơn vị nhỏ nhất là hai câu, một câu sáu tiếng và một câu tám tiếng. Thơ có thể dài mấy cũng được, nhưng kết thúc phải là câu tám chữ.

Trong quyển *Từ điển Thuật ngữ Văn học* [1] định nghĩa: *một thể câu thơ cách luật mà các thể thức được tập trung thể hiện trong một khổ gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng 6 tiếng (câu lục) và dòng 8 tiếng (câu bát)...vừa gieo vần chân, vừa theo vần lưng, tiếng cuối câu lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu câu bát, tiếng cuối câu bát gieo vần xuống tiếng cuối câu lục tiếp theo.* Mô thức:

Câu 6: *b b t t b b*

Câu 8: *b b t t b b t b*

(Chữ in nghiêng không nhất thiết phải theo đúng luật. Câu thơ lục bát người Việt tuân thủ theo luật: *nhất, tam, ngũ bất luận; nhị, tứ, lục, phân minh*).

Lục bát của người Việt là thể thơ do người Việt sáng tạo nên, theo đó, xưa nay các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng thơ lục bát là thể thơ dân tộc. Và là thể thơ dân tộc nên mang đậm phong vị ngôn ngữ dân tộc Việt. Trong lời nói thường ngày đã mang hơi hướm của loại thơ này. Cho nên thơ lục bát dễ nhớ và dễ thuộc do tiết tấu và vần điệu của thơ cho phép lắng vào lòng người một cách tự nhiên.

Câu thơ sau đây là một biểu hiện của sự hồn nhiên, sâu lắng:

*Bỗng như một sự vô tình  
Ru con, anh phải đi tìm lời ru  
Lời ru nép giữ trang thư  
Phôi phai nét chữ ngỡ như hững hờ  
Bao nhiêu buồn giận bâng quơ  
Bao nhiêu thương nhớ bây giờ là đây....[2]*

Hoặc như:

*...Tà tà bóng ngả về tây*

---

<sup>1</sup> *Từ điển thuật ngữ văn học*, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, NXB Giáo dục, 1992, tr. 131.

<sup>2</sup> *Những bức thư không gửi*, thơ Bùi Công Minh.

*Chị em thơ thảo dang tay ra về,  
Bước dần theo ngọn tiểu Khê,  
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh:  
Nao nao dòng nước uốn quanh,  
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.  
Sè sè nắm đất bên đàng,  
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.  
Rằng: “Sao trong tiết thanh minh,  
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà ?” ... [3]*

Trong bài viết đăng trên ấn phẩm Diêu Âm [4], tác giả Võ Long Tê có bài “*Quan điểm lịch sử và thẩm mỹ về thể thơ lục bát*” đặt vấn đề, rằng: thể lục bát có phải là một thể thơ tiêu biểu cho thi pháp Việt Nam hay không? Và bài viết tìm về nguồn gốc thể lục bát. “*Các học giả không đồng ý kiến về nguồn gốc thể lục bát. Có người chủ trương thể lục bát xuất xứ từ thi pháp Trung Hoa, có người nhận xét đó là một thể thơ chung cho nhiều dân tộc ở Đông Nam Á, nhưng phần nhiều đều quả quyết đó là một thành tích sáng tạo của dân tộc Việt*”. Và bài viết cho rằng những người chủ trương thể thơ lục bát là một thi điệu Trung Hoa chưa từng nêu ra một thi phẩm nào của Trung Hoa làm bằng chứng mà chỉ viện dẫn mấy câu trong Kinh dịch và Tống sử [5]. Có ý kiến cho rằng câu trong Kinh dịch gượng ép mà thành thể lục bát “*theo lối cú điệu xưa nó tách rời ra thành từng câu chứ không đọc liền một hơi như lối đọc lục bát*” [6].

Người Trung Hoa lấy làm ngạc nhiên trước thể thơ lục bát của Việt Nam, điều này đã được Nguyễn Huy Ánh viết trong tập *Nhật trình Bắc sứ* bằng tiếng Hán. Theo lời Phạm Đình Toái trong bài tựa sách dịch thiên *Nguyệt Lãm* trong Kinh Lễ nói rằng “*người Trung Hoa tới chơi nước ta lấy đọc thì không ai không khen phục*” [7].

---

<sup>3</sup> *Truyện Kiều bản 1866*, Nguyễn Du. Theo bản Liễu Văn Đường – Nghệ An, Nguyễn Quảng Tuân, phiên âm, khảo dị, NXB Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

<sup>4</sup> *Diêu Âm*, Đặc san của chùa Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn, NXB. Đà Nẵng 4-2011.

<sup>5</sup> Trong Kinh dịch: *Lục tam: hành chương khả trình / Hoặc tông vương sự vô thành hữu chung*. (Hào sáu ba: ngâm về sáng đẹp có thể chính bền/Kẻ theo việc nhà vua, không nên công cũng được trọn vẹn. Theo Bửu Cầm: *Ca dao, nền tảng văn học dân tộc*. Nội san Viện khảo cổ, số 2, Sài Gòn, tháng 3-1956, bản in roneo. Trong Tống sử: *Đế vị Thái Xác hữu công/Sử chi tông sự Triết tông miếu đường*. (Vua bảo rằng Thái Xác có công/. Cho được thờ chung ở miếu vua Triết tông. Theo Lam Giang: *Khảo luận luật thơ*. Tân Việt, Sài Gòn, 1958.

<sup>6</sup> *Thử tìm cái đẹp trong ca dao*, Sơn Tùng, Tiểu thuyết Thứ bảy, loại mới, số 10, Hà Nội, 4.6.1949.

<sup>7</sup> *Dại Nam quốc sử diễn ca*, Hoàng Xuân Hãn, Trường Thi xuất bản lần ba, Sài Gòn 1956.

Như thế, để biết rằng người Việt đã sáng tạo ra thể thơ lục bát được xem là thể thơ dân tộc thì đã rõ.

## **2/ Từ cổ truyền...**

### **2.1. Thơ ca lục bát dân gian**

Gắn liền với dân tộc Việt, thơ lục bát xuất thân từ ca dao, dân ca dân tộc, nên cũng gọi loại thể thơ lục bát cổ truyền là thơ ca dân gian.

Thơ ca dân gian mang tính nguyên hợp, hình thành từ trong môi trường lao động, trong quan hệ xã hội, quan niệm tâm linh. Thơ ca dân gian có nhiều điểm tương đồng với dân ca và thường thể hiện gắn với âm nhạc và múa dân gian. Văn học dân gian phần thơ ca, cuộc sống đời thường của người dân được phản ánh trong những câu ca dao dưới hình thức thơ lục bát. Ở đó thơ mang đậm tâm tư tình cảm con người, những triết lý về cuộc nhân sinh. Và để thể hiện cung bậc của thể loại thơ này vào quần chúng nhân dân, câu lục bát dần uyển chuyển, tải đi các làn điệu dân ca: lời ru, hát lý, các điệu hò, mà ta thường nghe phảng phất trong cuộc sống. Điều đó đã gắn liền với đời sống lao động của người dân. Bởi xét cho cùng *thơ* là loại hình văn học bao gồm nhiều thể loại: thơ lục bát, song thất lục bát, lục bát biến thể, hoặc thơ Đường luật, thơ ngũ ngôn,...; *ca* là ca lời thơ thành những làn điệu mang cung bậc khác nhau. Do đó, thơ ca dân gian thường được diễn xướng trong môi trường dân gian. Thơ lục bát thời kỳ đầu của sự phát triển, hẳn đã tồn tại trong dân gian và bắt nguồn từ trong ca dao dân tộc Việt. Và vì trưởng thành trong môi trường dân gian nên ca dao lục bát là *những bài thơ do quần chúng bình dân sáng tạo nên và được ca lên bằng những làn điệu với nhiều cung bậc khác nhau, biểu hiện tình cảm của tầng lớp bình dân*. Với cách hiểu này, chúng tôi khảo sát thơ ca lục bát dưới góc nhìn văn học, phần âm nhạc dân gian, tức phần *ca*, chúng tôi tách ra khảo sát trong các làn điệu dân ca ở một dịp khác. Ví dụ:

Lời thơ dân gian:

- *Trèo lên dốc ngược nhọc nhằn*  
*Mưa tuôn nắng cháy, vũng bèn vượt lên.*

Lời ca/hò dân gian:

- *Khoan ơ khoan. Khoan hò khoan*

*Trèo lên / khoan hò khoan / dốc ngược / khoan hò khoan / nhọc nhằn /  
khoan hò khoan*

*Mưa tuôn / khoan hò khoan / nắng cháy / khoan hò khoan / vững bền /  
khoan hò khoan vượt lên / khoan hò khoan / là hổ.*

Hoặc, lời thơ dân gian (biến thể):

*- Con ghé xe  
Mình chăm ngược cho gắt  
Bắt ngược cho hay  
Lên bằng mà nghĩ con hè ?*

Lời ca dân gian:

*- Con ghé xe  
Mình chăm ngược cho gắt  
Bắt ngược cho hay  
Lô lô chăm lô  
Lên bằng mà nghĩ con hè ?*

Từ môi trường thơ ca dân gian, thơ lục bát thể hiện thành công nội dung và nghệ thuật, từ đó, thơ lục bát thoát ra môi trường dân gian, mang theo tâm tư tình cảm của người dân để khẳng định mình là một thể loại thơ lục bát, tồn tại với tư cách là một thể loại thơ có truyền thống dân tộc trên văn đàn đương đại.

## **2.2. Thơ lục bát chuyển tiếp**

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử văn học cho rằng thơ lục bát trước khi trở thành thể loại tồn tại trong văn đàn đương đại, đã trải qua giai đoạn chuyển tiếp, được xếp vào giai đoạn thơ ca trung đại.

Những câu thơ lục bát sau đây, thể hiện sự chuyển tiếp từ lục bát ca dao sang thời kỳ của các truyện nôm ra đời, được xem tồn tại giai đoạn trung đại trước khi phát triển thành thơ lục bát đương đại ngày nay. Câu thơ lục bát thời kỳ này thể hiện trong các tác phẩm: *thơ thầy Thông Chánh, Phạm Công Cúc Hoa, truyện Phan Trần, Bích câu kỳ ngộ,...* thời kỳ này về nghệ thuật vẫn còn mang tính chất quần chúng, phản ánh hoạt động của họ thông qua ngôn ngữ bình dân. Tuy nhiên không phải không có trau chuốt cho câu thơ nhẹ nhàng, mềm mại, uyển chuyển biểu đạt được tình cảm, đậm thắm, kết hợp giữa lãng mạn và hiện thực trong thơ. Đây là bước tiếp nối từ lục bát nôm lên thơ lục bát.

Đoạn lục bát trong Bích câu kỳ ngộ: [8]

*Thành Tây có cảnh Bích câu*

---

<sup>8</sup> *Bích câu kỳ ngộ*, Thi Nham Đình Gia Thuyết, đính chính chú thích, NXB Tân Việt, 1964.

*Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao  
Đua chen thu cúc, xuân đào  
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông  
Xanh xanh dẫy liễu ngàn thông  
Cỏ lan lối mục, rêu phong dấu tiêu  
Một vùng non nước quỳnh giao  
Phát phơ gió trúc, dặt dừ mưa hoa,  
Triều Lê đương hội thái hòa,  
Có Trần công tử, tên là Tú Uyên...*

Đoạn lục bát trong thơ thầy Thông Chánh:

*Nhứt trình Vĩnh Ký đặt ra,  
Chép làm một bốn để mà coi chơi.  
Trà Vinh lắm kẻ kỳ tài,  
Có thầy Thông Chánh, thiệt người khôn ngoan.  
Đêm nằm nát ruột, nát gan,  
Ôm thù Biện lý chẳng an trong lòng.  
Chình nào tỏ nỗi đục trong,  
Giết quân Biện lý trong lòng mới thanh ...<sup>[9]</sup>*

Trong số truyện thơ như vậy, đỉnh cao là Truyện Kiều của Nguyễn Du. Vào thời đó, Tố Như vẫn sử dụng lục bát ca dao trong thơ mà sau này có nhiều câu thơ trong Kiều đã bước khỏi trang sách trở về với ca dao như là sự đương nhiên phải vậy. Và có những câu đã ca dao hóa, lặn vào cuộc sống đời thường của người bình dân. Nhưng thơ lục bát trong Truyện Kiều là những sáng tạo vượt xa ca dao lục bát. Câu thơ có sáng tạo, ngoài niêm luật *nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh*, câu thơ đôi khi bỏ nhịp chẵn 2/2 mà tạo ra nhịp lẻ 1/5, 3/3, 4/4, 2/1/3, 3/3/2,...vậy mà người đọc vẫn thấy hay, đọc không vấp vấp, nhất là câu thơ dù thể vẫn chuyên tải nỗi niềm đắm thắm, thiết tha, vẫn mượt mà theo cách riêng của thơ lục bát.

---

<sup>9</sup> Thầy Thông Chánh bản Biện lý Jaboin là ngày Chánh Chung (tức Quốc khánh Pháp ngày 14/7 thực tế ngày bản là ngày 14/5 năm 1893.

*Làn thu thủy / thấp xuân sơn  
Hoa ghen thua thắm / liễu hờn kém xanh  
Một đôi / nghiêng nước / nghiêng thành  
Sắc đành đòi một / tài đành họa hai  
Thông minh / vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi họa / đủ mùi ca ngâm  
Cung thương / lầu bạc / ngũ âm  
Nghề riêng ăn đứt / Hồ cầm một trương [10]*

### **3/ ...Đến đương đại.**

Trên văn đàn đương đại, thơ lục bát vẫn còn mang theo trên mỗi câu thơ chất dân gian lục bát. Đây là điều cho chúng ta ngày nay biết rằng, sự tiếp biến từ ca dao lục bát đến thơ lục bát đương đại – từ cổ truyền đến đương đại – cơ bản vẫn không có sự thay đổi lớn, kể cả vỏ âm thanh, niêm luật và nội dung biểu đạt. Bởi lục bát chính là thể loại thơ ca dân tộc. Ngày nay, người làm thơ, không một thi sỹ nào không làm thơ lục bát.

*Em giờ tóc gió thổi bay  
Phấn quỳnh đêm cũ sang ngày còn hương  
Gót hài vang khúc Nghệ Thường  
Nghiêng khoe vóc liễu màu sương chưa nhòa...  
...Em giờ tóc gió buồn hiu  
Bồng bênh sợi nắng dặt dìu hồn thơ  
Nghe chãng dưới bến sông chờ  
Ai hong tóc rối, nhạt bờ môi xưa ? [11]*

Ở bất cứ thời điểm nào, vào giai đoạn nào của lịch sử dân tộc, thơ lục bát vẫn vang lên, bằng ký tự La-tinh, (chữ quốc ngữ, tiếng nước ta,...), không chỉ nhẹ nhàng, êm ái, lãng mạn đến nao lòng mà còn hào hùng trong những lần ra trận, hành quân giữ nước. Thơ lục bát đương đại ở đâu và lúc nào cũng mang đầy nhuệ khí, cái cần phải thể hiện nhuệ khí. Tâm hồn dân tộc đa dạng và phong phú biết chừng nào ! Khi cái biểu đạt được đưa vào thơ để thể hiện nội dung tư tưởng không làm cho người đọc cảm thấy trực trặc trong từng câu thơ, như thế là đã đạt đến cái cần biểu đạt, nghĩa là đã đạt hiệu quả nghệ thuật trong sáng tác của các nhà thơ.

---

<sup>10</sup> *Truyện Kiều bản 1866*, Nguyễn Du. Theo bản Liễu Văn Đường – Nghệ An, Nguyễn Quảng Tuân, phiên âm, khảo dị, NXB Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

<sup>11</sup> *Theo màu tóc gió*, thơ Nam Giang.

*Thôi từ biệt nhé, Bến Tre  
Những ngày chiến đấu say mê, hào hùng...  
Đánh xe, phá áp, công đồn  
Rạch Dầu, Phú Túc mãi còn khắc sâu  
Giã từ đất ám chiến hào  
Con kinh “kháng chiến” nhịp cầu “đấu tranh”  
Giã từ Minh Đức Kiên gan  
Bốn lần giặc chiếm, bốn lần vùng lên  
Mặt trời đang xé bóng đêm  
Bót tan rồi, lại sáng đèn chợ khuya.[<sup>12</sup>]*

*...Tiếc rằng trước lúc chia ly  
Con chưa được thấy dáng đi của Người  
Hắn trong đôi mắt sáng ngời  
Còn nguyên vẹn một khoảng trời phương Nam  
Con qua Cẩm Lệ, sông Hàn  
Ngũ hành Sơn đứng mơ màng bóng cha  
Hỡi người những đất cùng hoa  
Tắm thân bao cuộc xông pha trường kỳ...[<sup>13</sup>]*

Hành trình từ cổ truyền đến đương đại, câu thơ lục bát dần vào phương Nam đã có sự cách tân, bắt đầu trong lục bát ca dao để biểu đạt cái có thể. Đến lượt câu thơ lục bát phải tự mềm dẻo, thay đổi hình thức để có thể chấp nhận được trong lòng người dân lao động, cả những nhà thơ đương đại. Vần, niêm luật đã được dịch chuyển, nói rộng biên độ câu chữ, nhịp điệu để thể hiện cái có thể. Tuy vậy, câu thơ vẫn giữ nét mềm mại, dễ đọc, đọc lại dễ nghe, câu thơ lục bát vẫn phải trang bị cho mình bằng yếu tố vần và nhịp – cái làm nên sự xô đẩy trong tiết tấu của thơ lục bát – làm cho ý trước không thể không xuất hiện ý liền kề trong một quan hệ ngữ đoạn, liên kết với ý dưới một cách có nghĩa, đậm thắm, chấp nhận được mà người đọc quên đi, hay không phát hiện ra gieo vần, bỏ luật không theo thể thức *nhất tan ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh*.

Câu thơ lục bát như thế đã là câu thơ hay của mọi thời đại.

---

<sup>12</sup> *Giã từ Bến Tre*, thơ Giang Nam.

<sup>13</sup> *Gởi lòng con đến cùng cha*, thơ Thu Bồn (1935 – 2003).

Khảo sát một câu thơ biến thể từ lục bát, điều có thể nhìn thấy rằng để tồn tại cùng với quá trình phát triển lịch sử – văn hóa dân tộc, vùng miền, thơ lục bát luôn có sự thích nghi, đôi khi lục bát tạo sự khác biệt để cùng năm tháng, đi theo các sự kiện lịch sử - văn hóa diễn ra trong một vùng cư trú. Trong trường hợp đó, câu thơ lục bát đã có sự thay đổi để trở thành người cùng đường với ca dao dân tộc trong văn đàn thi ca vùng miền. Để biến hóa, câu thơ lục bát tự dung nạp, hay cần phải tạo ra yếu tố ngôn ngữ dư (phá luật), trong câu thơ, đặc biệt tạo ra khả năng lựa chọn ngôn ngữ để biểu đạt mà không (đôi khi) phải giữ lại luật, thể hiện ở vần lưng – một cái vần khó chịu trong thơ lục bát. Để hiệp vần với câu lục, đến lượt câu bát không thể sử dụng phương thức kết hợp ngôn ngữ mà phải thực hiện thao tác lựa chọn. Chính đó câu lục bát, đôi khi phải tự phá vỡ niêm luật, tạo nên sự hy sinh về luật để đạt được khía cạnh biểu đạt, cái có thể biểu đạt khi cuộc sống của những người khai sơn phá thạch vào phương Nam sinh sống. Bấy giờ cuộc sống đang dập dờn lao nhanh về phía trước, thơ lục bát cần phải ghi lại và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người, câu thơ theo đó phải thích ứng, phải tự cắt bỏ bớt niêm luật (khi cần thiết). Chính vì có khả năng dịch chuyển thanh, vần tại cái vần lưng khó chịu kia mà câu lục bát khi hành trình vào Nam thể hiện được tính hiện thực, cái cần hiện thực cụ thể để văn đàn đưa tay thường xuyên tiếp nhận “đi cùng năm tháng” với quần chúng nhân dân trong quá trình phát triển văn hóa – lịch sử của mình. Đây là sự biến thể của thơ lục bát. Hãy nghe:

*Tay anh cầm cần câu trắc, ống câu trúc  
lưỡi câu thau  
Muốn câu con cá biển chớ con cá bầu thiếu chi.*

Từ đó, câu thơ lục bát trên hành trình vào phương Nam luôn tìm được cách thể hiện riêng không chỉ làm hài lòng con người nơi đây mà còn giữ được cho mình một khả năng biểu đạt không bao giờ bị sử dụng đến cạn kiệt khả năng thích ứng để có thể sẽ phải lặp lại chính bản thân câu thơ lục bát hoặc do bị “cạn” nên dễ rơi vào vùng lờm của văn đàn, tức thì có nguy cơ bị bỏ quên ngay trên mảnh đất mà lục bát có thể mạnh. Chính chỗ đó, cho thấy rằng thơ lục bát bước vào thời đương đại đôi khi giống thể loại anh em – ca dao lục bát – biến tấu thành những câu dài ngắn khác nhau không tuân thủ niêm luật lục bát như bản thân lục bát vậy mà vẫn phục vụ được bao người, vẫn thấy hài lòng, vẫn có cái nhìn mềm mại, chan chứa tự tình dân tộc.

Đây là biến thể, một cách thơ lục bát vừa tiếp biến từ ca dao lục bát, vừa tự đổi mình.

*...Nắng mưa đã trải ngàn ngày  
Đôi dòng sông hóa đôi tay chiến trường*



*Thương sông thương tựa ngọn nguồn  
Thương em từ thưở đưa xuống anh qua  
Dịu hiền như khúc dân ca  
Thắm sâu chung thủy như là đất quê  
Sáng như một ánh sao khuê  
Tiễn anh đi, đón anh về tháng năm.[<sup>14</sup>]*

Tuy thơ lục bát đương đại, gieo vần có thể biến tấu nhưng ngôn ngữ vẫn hàm chứa lời ăn tiếng nói của người bình dân, điều đó cho hay rằng, dù cách tân, hiện đại đến thế nào, câu thơ lục bát vẫn gần gũi với người bình dân. Cho nên thơ lục bát vẫn tồn tại đi cùng dân tộc.

*...Sang năm ra ở riêng rồi  
Vợ tôi dệt lụa, tôi ngồi làm thơ.  
Lụa may áo, bán còn thừa  
Tôi đem thay giấy viết thơ chung tình.  
Giăng câu này dưới mái gianh:  
“Nhà cô thôn nữ, vợ anh học trò. [<sup>15</sup>]*

Hoặc: Một đoạn thơ *Lữ bước sang ngang* của Nguyễn Bính như lời nói thường mà đọng lại bao suy tư, hoài cảm:

*...Trời mưa ướt áo làm gì ?  
Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng  
Người ta pháo đổ rượu hồng  
Mà trên hôn chị một vòng hoa tang  
Lần đầu chị bước sang ngang  
Tuổi son sông nước đò giang chưa tường  
Ở nhà em nhớ mẹ thương  
Ba gian trống, một mảnh vườn xác xơ  
Mẹ ngồi bên cửa xe tơ  
Thời thường nhắc: “chị mày giờ ra sao ?” [<sup>16</sup>]*

Hoặc bài thơ *Thời trước cũng* của Nguyễn Bính:

---

<sup>14</sup> Trước nhà em sông Vu Gia, thơ Thanh Quế.

<sup>15</sup> Nhà cô thôn nữ, thơ Nguyễn Bính.

<sup>16</sup> Lữ bước sang ngang, thơ Nguyễn Bính.

*Sáng trăng / sáng cả vườn chè,  
Một gian nhà nhỏ / đi về có nhau  
Vì tầm / tôi phải / chạy dâu,  
Vì chồng / tôi phải / qua cầu đặng cay. [17]*

Hoặc bài thơ *Chiều* của Xuân Diệu: [18]  
*Hôm nay trời nhẹ lên cao  
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...  
Lá hồng rơi lặng ngõ thôn,  
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.  
Phát phơ hồn của bông hường  
Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng  
Nghe chùng gió nhớ qua sông  
E bên lau lách thuyền không vắng bờ  
Không gian như có dây tơ  
Bước đi sẽ đứt / động hồ sẽ tiêu.  
Êm êm / chiều ngẩn ngơ chiều  
Lòng không sao cả / hiu hiu khẽ buồn...*

#### **4. Có hay không giao thoa với thơ lục bát Chăm ?**

Liệu chúng ta có giao thoa với văn hoá Chăm trong nghệ thuật thơ ca dân gian trong câu thơ lục bát. Trong “Đôi lời mở đầu” cuộc Hội thảo “Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ”, GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh đã nhắc lại nhận định của cô GS. Trần Quốc Vượng, rằng “tổ chức lãnh thổ của người Chăm nhìn từ núi xuống là: *đền tháp – trung tâm tâm linh; thành quách – trung tâm quyền lực; cảng thị – trung tâm giao thương*. Ông cũng lưu ý rằng tuy có chung một mô hình tổ chức lãnh thổ nhưng do điều kiện địa lý cụ thể của từng đơn vị xã hội mà ông gọi là *mandala* sẽ có những sắc thái khác nhau. Như vậy, có thể phải xem xét văn hoá Chăm trên vùng đất này thông qua những biểu hiện cụ thể của văn hoá từng *mandala*”. “Và từ đó tìm hiểu những dáng vẻ, độ nông sâu khác nhau của mỗi quan hệ giao lưu văn hoá Chăm – Việt trong khuôn khổ sắc thái văn hoá từng *mandala*, tức là nhìn nhận vấn đề một cách định lượng. Nhờ đó, khắc phục dần lối nói chung chung rằng ở vùng đất này đã diễn ra sự giao lưu văn hoá... Lâu nay phổ biến một nhận xét rằng sắc thái âm điệu chơi voi, man mác của hò mái nhì, hò mái đẩy là kết quả tiếp biến từ văn hoá âm nhạc Chăm. Tuy nhiên cho đến nay chưa ai chứng minh

<sup>17</sup> *Thời trước*, thơ Nguyễn Bính.

<sup>18</sup> *Chiều*, thơ Xuân Diệu tặng Nguyễn Khắc Hiếu (Tản Đà), in trong *Thơ thơ* năm 1938.

được rằng cái sắc thái ấy ảnh hưởng cụ thể từ thang âm nào của bài nào, thể loại nào trong âm nhạc cổ truyền Chăm”<sup>[19]</sup>. Với cách hiểu như vậy, loại hình thơ lục bát dân gian, trong đó thể loại thơ lục bát của người Việt có ảnh hưởng từ người Chăm?.

Nhiều ý kiến cho rằng thể thơ lục bát của người Việt có ảnh hưởng thơ lục bát người Chăm.

Tuy nhiên khi người Việt vào phương Nam, liệu rằng thể loại thơ lục bát thể hiện trong ca dao có ảnh hưởng sang người Chăm, hay người Chăm đã giao thoa với người Việt thể loại thơ này ? Đây là vấn đề nhiều nhà nghiên cứu đã nêu ra! Thể thơ lục bát và thi pháp người Việt, người Chăm, người Thái Lan ở vùng Đông Nam Á có gặp nhau để giao thoa không?

Người Việt đã sáng tạo ra thể thơ lục bát như đã nói trên, tuy nhiên cũng cần xem xét trong phạm vi vùng Đông Nam Á với văn hoá Sa Huỳnh, Đông Sơn, Óc Eo, có ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ, câu thơ lục bát của người Việt giao thoa thể nào trong bối cảnh Đông Nam Á. Ngoài người Việt thì người Chăm, người Thái họ cũng dùng thể thơ lục bát. Nghiêm Thâm trong Tạp chí nguyệt san *Quê Hương* <sup>[20]</sup> có bài: *Sự tồn tại của bản chất Anh-đô-nê-diêng trong nền văn hoá Việt Nam*, viết rằng các nhà sử học Thái Lan cho rằng họ cũng có thể thơ lục bát. Và cũng trong bài viết này về thơ lục bát của người Chăm, Nghiêm Thâm cho rằng “*Nếu ta nghiên cứu về văn chương Chăm, ta thấy người Chăm rất ưa dùng thể lục bát. Nhưng trong lục bát Chăm, chữ cuối câu sáu vần với chữ thứ tư câu tám. Nhưng hiện nay văn chương Chăm chưa được khảo cứu tường tận nên ta không biết rõ là người Chăm lấy thể thơ lục bát của người Việt Nam hay là người Việt Nam đã lấy thơ của người Chăm*”. Vấn đề sự giao thoa, ảnh hưởng thể thơ lục bát Việt – Chăm hay Chăm – Việt, nhiều nhà nghiên cứu văn hoá, ngôn ngữ, văn học có đưa ra nhận định ngược chiều nhau, tuy nhiên căn cứ vào các công trình biên khảo của các học giả Nghiêm Thâm, Nguyễn Khắc Ngữ, Phạm Duy, Vũ Lang,... và sự so sánh đối chiếu của chúng tôi, cho biết, câu thơ lục bát của người Chăm gieo vần *tại chữ thứ tư câu tám*.

- *Thầy thâu ca chang câu ca,*

---

<sup>19</sup> GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trong *Đôi lời nói đầu* của tác phẩm *Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Viện nghiên cứu văn hoá, Sở Văn hoá Thông tin Quảng Ngãi, Hội Văn học nghệ thuật Kiên Giang, NXB.Từ điển bách khoa, Hn, 2008. Tr.13.

<sup>20</sup> Tạp chí *Quê Hương*, Sài Gòn, tháng 6-1962.

*Dâm pát tì la mừng thâu cá trang* [21]

Dịch: - *Nỗi lòng ai biết cho không,  
Rau mọc giữa dòng trong dạ ai hay?*

Trong cuốn “*Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*” xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn, Nhạc sỹ Phạm Duy cho rằng người Chăm cũng có thể thơ lục bát và được lồng các làn điệu vào để trở thành dân ca và Phạm Duy đã công bố một bài dân ca theo thể thơ lục bát người Chăm, phương thức gieo vần ở *chữ thứ sáu câu lục* vần với *chữ thứ tư câu bát*, giống với cách gieo vần của người Việt cổ [22]

- *Thây mai mừng đêh thay ô,  
Droh phik kaau lô yom tha urang,  
Chek tian mừng asit dih đang  
Mai hu ka urang oan lô lingik!* [23]

Dịch: - *Ai đến từ đàng kia, ai đó,  
Đẹp lòng ta hình như một người.  
Mà ta đã nếm yêu từ khi còn ẵm ngửa,  
Nay đã thuộc về người khác rồi, tiếc quá trời ơi !*

Ngôn ngữ Chăm là loại hình ngôn ngữ đa âm tiết, khác với đơn âm của người Việt nên lục bát Chăm khác với lục bát Việt, tuy nhiên, thẳng trong lời ăn tiếng nói dân gian vẫn có trường hợp giao thoa, tương đồng nhau trong cách gieo vần giữa cặp lục bát Chăm với cặp lục bát Việt:

Cặp lục bát Chăm:

- *Mai baik dei brei pha crong  
Tangin dei tapong kauk luk munhuk  
Bbuk ai tarung yuw harok  
Tangin dei pok nhjwoh yuw tathi  
(Về đi em cho đùì gác*

---

<sup>21</sup> Ảnh hưởng văn hoá Chăm qua Việt Nam, in trong Văn hoá nguyệt san, số 25, Sài Gòn tháng 10-1957, dịch theo thể lục bát: *Nỗi lòng ai biết cho đây/Rau kia dưới nước dạ này thấu chăng.*

<sup>22</sup> *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Đào Duy Anh, NXB Thế giới ở trang 22-23, cho rằng: người Việt xưa có lẽ là một chi nhánh của chủng tộc Indonesien, sống rải rác thời thái cổ thuộc vùng Đông Nam Á, từ miền A Xam phía bắc Ấn Độ, qua miền Hoa Nam đến quần đảo Nam Dương, hiện nay vẫn còn di tích nền văn hoá cổ.

<sup>23</sup> *Nhạc Chăm còn lại*, Phạm Duy trong Tạp chí nguyệt san Vạn Hạnh, số 4, Sài Gòn tháng 9-1965, tr. 74, 79. Dịch: *Kìa ai đi đến từ xa / Thật giống lòng ta như thể một người / Thăm yêu từ thuở ấy thời / Cho kẻ khác rồi tiếc quá trời ơi!* In lại trong cuốn *Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*, Sài Gòn, 1972.

*Bàn tay em vuốt, đầu xúc đầu thơm  
Tóc anh bù rối như rơm  
Tay em vuốt thì mượt như lược chải).*

Cặp lục bát Việt:

*- Tò vò mà nuôi con **nhện**  
Ngày sau nó lớn nó **quện** nhau đi  
Tò vò ngồi khóc tí tí  
Nhện ơi nhện hỡi, nhện đi đường nào ?*

Đặc điểm khác nhau giữa lục bát người Việt với người Chăm về phân phối vần, trong Ariya Chăm, vần trắc (t) tồn tại khá bình đẳng với vần bằng (b), sự phân phối chen kẽ nhau, nghĩa là một câu hiệp vần bằng, liền sau đó là câu hiệp vần trắc. Đối chiếu bài ca dao Việt “Tò vò” nêu trên với bài lục bát Chăm sau đây, ta thấy có sự tương đồng về phương thức hiệp vần.

*-Limun tol Ba Lai Bal Huh  
Bal gior ginuh bhap illimo  
Bal đwa danuh khak bilo  
Xanak ginroh ralo halei jang o bboh.*

Gần đây, trong Tạp chí Champaka, số 1 năm 1999, có in bài Trường ca Chăm Bà-ni (Ariya Cam Bini) của nhà nghiên cứu văn hoá Chăm, ông Fatimah là thành viên của chương trình Thế giới Mã Lai – Đông Dương, giới thiệu 118 câu thơ lục bát, gieo vần giống như cách gieo vần câu thơ lục bát của người Việt xưa [24]. Còn trong trường ca *Hbia tà lúi – kalipu* của người Chăm ở Phú Yên, chúng tôi thấy trong trường ca/ariya này có số câu dài ngắn khác nhau (câu dài nhất 23 từ, sau khi đã chuyển ngữ sang tiếng Việt), theo đó, lại không tìm thấy ảnh hưởng câu lục bát của người Việt. [25] Tuy nhiên, nếu chỉ đếm số lượng tiếng câu lục và câu bát trong ariya Chăm (sau khi chuyển ngữ sang tiếng Việt, nghĩa là đã trở thành lục bát dịch) để so sánh, đối chiếu sự giao thoa Việt – Chăm, thì không rút ra được sự giao thoa hay tương đồng. Mặt khác cũng cần xét đến, rằng tiếng Chăm là ngôn ngữ đa âm tiết, lại cho thấy khác với lục bát Việt. Điều này xét câu ca dao Chăm trong hai trường hợp như các nhà nghiên cứu đã thực hiện để có sự so sánh:

---

<sup>24</sup> Xem: *Xứ Chăm và văn hoá Chăm Việt*, bài viết của Trần Thục Hiền.

<sup>25</sup> Xem: *Trường ca Hbia tà lúi – kalipu*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ka Sô Liêng, sưu tầm, biên dịch, giới thiệu, NXB. Văn hóa dân tộc, 2011, phân dịch sang tiếng Việt từ trang 419 – 740.

+ Bằng cách đếm âm tiết, không tùy thuộc vào lượng chữ, ta thấy câu lục sáu âm tiết, câu bát tám âm tiết (trong câu, có một hình vị, chứa hai âm tiết). Ví dụ:

Câu:

*-Cam saung Bini ke kan*

1 2 3-4 5 6

*Mu sa karan ia sa bilauk*

1 2 3-4 5 6 7-8

Câu chêm ngôn Pauh Catwai

*- Tabur xanung twei đoy*

1-2 3-4 5 6

*Wak Pauh Catwai twei bauh akhar*

1 2 3-4 5 6 7-8

Cách đếm âm tiết này theo lời ăn tiếng nói Chăm có mặt trong thể loại trữ tình như Ariya Cam Bini, Ariya Xah Pakei, hoặc những câu chêm ngôn như Pauh Catwai, Muk Thruh Palei và có mặt trong hầu hết các sáng tác dân gian người Chăm.

+ Bằng cách đếm theo lượng trọng âm, ta thấy có hiện tượng đọc lướt, nén chữ hay nuốt âm là một trong những thuộc tính của ngôn ngữ đa âm tiết. Do đó trong các sử thi như Akayet Dewa Murno, Akayet Um Murrup, Akayet Ina Patra hay các bài ca mang tính triết lý, thể loại ariya chỉ được tính theo lượng trọng âm của từ đa âm tiết, một số hư từ cũng bị lướt bớt, không tính từng âm tiết như trường hợp đầu. Ví dụ :

*- Akayet si panuh twor tabiak*

1-2 3 4 5 6

*Ppadong num ka ratwok Rija Dewa Murno*

1 2 3 4 5 6 7-8

(Akayet Dewa Murno)

*-Glong anak linhaiy likuk jang o hu*

1 0-2 0-3 0-4 5 0 6

*Bhian drap ngap ralo pioh hapak khing ka thraung*

1 2 3 0-4 5 0-6 7 0 8

(Ariya Glong Anak)

Như thế, cho dù dùng phương pháp đếm âm tiết hay đếm trọng âm trong câu ca dao lục bát, ta vẫn thấy có sự tương đồng, giao thoa nhau giữa câu ca dao người Việt và người Chăm.

Trong bài viết: «*Bước Tiến trong nghiên cứu văn minh Chăm – văn học Chăm*» của Nguyễn Đức Hiệp (Sydney Australia) khi bàn về *Văn học dân gian Chăm* của Inrasara, trong tác phẩm *Văn học Chăm – khái luận*, phát biểu rằng: thể thơ Ariya/trường ca tương tự như thơ lục bát Việt Nam và Inrasara cho thấy qua đối chiếu và phân tích sơ bộ, lục bát Việt và *ariya* Chăm có rất nhiều điểm giống nhau. Trong đó, phân giống nhất là nhịp điệu của câu thơ. Thể thơ ariya thể hiện trong các tác phẩm trữ tình của người Chăm có phân tương tự như các tác phẩm Bích Câu kỳ ngộ, Lục Vân Tiên hay Truyện Kiều của người Việt.

Trong quá trình giao lưu, quan hệ qua lại nhau, người Việt miền Trung đã có sự trao truyền thơ ca dân gian từ Việt sang Chăm (lấy ca dao lục bát để khảo sát), phần nhiều tìm thấy trong ca dao đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt. Mặt khác, chúng ta còn tìm thấy thể thơ lục bát biến thể có sự gặp nhau giữa văn học dân gian Việt – Chăm. (9/2015).